

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM - ST.
Ngày: 30/7/2019.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mã Siêu.

Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST- KDTM ngày 16/5/2019 về “ Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-KDTM ngày 27/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-KDTM ngày 15/7/2019 giữa :

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 108, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: 1) Ông Nguyễn Quang T - Phó giám đốc Ngân hàng C - Chi nhánh B.

2) Ông Phạm Minh T - Phó phòng tổng hợp Ngân hàng C - Chi nhánh B.

(Theo văn bản ủy quyền số 749/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 08/8/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng C)

- Bị đơn: Chị Vương Thị N, sinh năm 1984 và anh Trần Thanh B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Thái B.

(Ông T có mặt tại phiên tòa; chị N, anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Ngân hàng C, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quang T trình bày:

Chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B có quan hệ vay vốn với Ngân hàng C - Chi nhánh B theo theo Hợp đồng cho vay từng lần số 1112/HĐCV ngày 13/12/2017. Cụ thể: Loại vay: Ngắn hạn. Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng. Số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Ngày giải ngân: 13/12/2017. Thời gian trả nợ cuối cùng: 13/12/2018. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh hàng tạp hóa, bánh kẹo, đường sữa các loại. Tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay là giá trị Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số:1112/HĐTC ngày 09/10/2014. Cụ thể: Quyền sử dụng đất ở nông thôn diện tích 137,5m² tại thửa đất số 393(9), tờ bản đồ số 06 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở 2,5 tầng xây mới hoàn thành năm 2014 diện tích sàn khoảng 140m² và các hạng mục liên hoàn như cổng, sân, tường bao, sân vườn phía sau theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 461388, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01883 do UBND huyện H cấp ngày 31/12/2013; tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình. Chủ sở hữu tài sản là ông Trần Thanh B và bà Vương Thị N. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, chị N và anh B mới trả được Ngân hàng số tiền lãi đến ngày 13/12/2018 là 42.067.838.000.000đồng, tiền gốc là 8.219 đồng. Từ sau ngày 13/12/2018 cho đến nay chị N và anh B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Ngân hàng đã gửi thông báo trả nợ cho chị N, anh B, thời gian đầu chị N còn cam kết trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến đầu năm 2019 thì chị N và anh B không còn sinh sống tại xã V, nhà khóa cổng, khóa cửa. Nay Ngân hàng C đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1) Buộc chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B và phải trả cho Ngân hàng các khoản tiền sau:

- Số tiền nợ gốc là: 499.991.781 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng);

- Lãi trong hạn là: 1.691.753 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng);

- Lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2019 là: 44.701.320 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm linh một nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2019 chị N, anh B phải trả cho Ngân hàng là: 546.384.854 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

2) Trong trường hợp chị N và anh B không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên thì Ngân hàng C đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, bán các tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 1112/HĐTC ngày 09/10/2014 để thu hồi nợ.

Bị đơn là chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2019, ông Trần Nhật Th là bố đẻ anh Nguyễn Thanh B khai: Ông không biết chị N và anh B hiện tại đang ở đâu, căn

nhà mà chị N, anh B thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng là tài sản của vợ chồng chị N, anh B.

Tại biên bản xác minh ngày 19/6/2019, Ủy ban nhân dân xã V cung cấp như sau: Chị N và anh B có đăng ký tạm trú tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình. Hiện tại chị N, anh B không có mặt tại địa phương, chính quyền địa phương không biết chị N, anh B đang ở đâu. Chị N và anh B là chủ sử dụng thửa đất số 393(9) và ngôi nhà trên đất tại thôn L, xã V. Trong thời gian sinh sống ở địa phương chị N, anh B mở cửa hàng kinh doanh tạp hóa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành pháp luật nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn không có mặt tại địa phương, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết tại địa phương các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ sau: Số tiền nợ gốc là: 499.991.781 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng); - Lãi trong hạn là: 1.691.753 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng); Lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2019 là: 44.701.320 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm linh một nghìn ba trăm hai mươi đồng). Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2019 chị N, anh B phải trả cho Ngân hàng là: 546.384.854 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

Trường hợp chị N, anh B không trả được nợ cho Ngân hàng C thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số 1112/HĐTC ngày 09/10/2014 để thu hồi nợ.

Về án phí: Chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng C - chi nhánh B là tổ chức tín dụng, có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận. Ngân hàng C - chi nhánh B và chị Vương Thị N, anh Trần Thanh B ký hợp đồng tín dụng, mục đích vay của chị N, anh B để kinh doanh tạp hóa, các bên đều có mục đích lợi nhuận. Do vậy, đây là tranh

chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm ký hợp đồng, bị đơn cư trú tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa Ngân hàng C với chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B hiện tại không có mặt tại thôn L, xã V. Chính quyền địa phương và gia đình anh B không biết địa chỉ cụ thể của chị N và anh B. Tuy nhiên tại thời điểm chị N và anh B ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng C thì trong Hợp đồng chị N và anh B cung cấp địa chỉ là thôn L, xã V, tài sản thế chấp của chị N, anh B nằm tại thôn L, xã V. Khi chị N và anh B thay đổi nơi cư trú đã không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới của mình theo quy định tại khoản 3 điều 40 và điểm b khoản 2 điều 277 Bộ luật dân sự. Như vậy chị N và anh B cố tình giấu địa chỉ của mình. Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị N, anh B tại UBND xã V nhưng chị N và anh B không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm của mình. Căn cứ vào khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng C.

Xét thấy, ngày 13/12/2017 Chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B có vay vốn tại Ngân hàng C - Chi nhánh B theo Hợp đồng tín dụng số 1112/2017/HĐCV. Mục đích vay để kinh doanh tạp hóa; loại vay: ngắn hạn. Số tiền cho vay: 500.000.000 đồng. Số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Ngày giải ngân: 13/12/2017. Thời gian trả nợ cuối cùng ngày 13/12/2018. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8% và được điều chỉnh một tháng /lần, ngoài ra trong hợp đồng còn thỏa thuận lãi suất quá hạn.

Việc chị N, anh B ký kết hợp đồng số:1112/2017/HĐCV ngày 13/12/2017 với Ngân hàng C - Chi nhánh B để vay vốn tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất và các nội dung thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng số 1112/2017/HĐTD là hợp pháp. Hết thời hạn vay chị N và anh B không trả được nợ cho Ngân hàng theo như cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng. Chị N và anh B hiện tại không sinh sống tại xã V, Ngân hàng cũng không biết địa chỉ mới của chị N và anh B để đơn đốc thu hồi nợ. Vì vậy, Ngân hàng C khởi kiện tại Tòa án để yêu cầu chị N và anh B phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 499.991.781 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng); - Lãi trong hạn là: 1.691.753 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng); Lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2019 là: 44.701.320 đồng (Bốn

mười bốn triệu bảy trăm linh một nghìn ba trăm hai mươi đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu của Ngân hàng C về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 1112/HĐTC ngày 09/10/2014 để thu hồi nợ.

Xét thấy, để đảm bảo khoản tiền vay theo hợp đồng số: 1112 ngày 13/12/2017. Chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 1112/HĐTC ngày 09/10/2014 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của chị N và anh B gồm: Diện tích đất 137,5m² tại thửa đất số 393(9), tờ bản đồ số 06 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 2,5 tầng tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2019, tài sản thế chấp được thể hiện như sau: Đất có diện tích 137,5m² tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình. Trên diện tích đất xây dựng ngôi nhà mái bằng 2,5 tầng, nhà xây kiên cố, có cổng và tường dậu.

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 1112 ngày 09/10/2014 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đều thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng chị N, anh B và không có sự biến động trong quá trình sử dụng, các nội dung trong hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 1112 ngày 09/10/2014 có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, chị N và anh B không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng C về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 1112/HĐTC là phù hợp với quy định tại điều 299, điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, Chị N và anh B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng, Chị N và anh B có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng C.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chị N và anh B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là (20.000.000đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000đồng), cụ thể như sau: 20.000.000đồng + (146.384.854 đồng (phần vượt quá 400.000.000đồng) x 4%)= 25.855.000 đồng (Hai mươi năm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 157, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 299, 323, 357, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điểm a khoản 1 điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B phải trả cho Ngân hàng C các khoản nợ sau:

- Số tiền nợ gốc là: 499.991.781 đồng (Bốn trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng);

- Lãi trong hạn là: 1.691.753 đồng (Một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng);

- Lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2019 là: 44.701.320 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm linh một nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 30/7/2019 chị N, anh B phải trả cho Ngân hàng là: 546.384.854 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm tám mươi tư nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Vương Thị N và anh Trần Thanh B không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của chị N, anh B theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 1112 ngày 09/10/2014 để thu hồi nợ gồm: Diện tích đất 137,5m² tại thửa đất số 393(9), tờ bản đồ số 06 và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 2,5 tầng tại Thôn L, xã V, huyện H, tỉnh Thái B. Đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 461388, sổ vào sổ CH01883 do UBND huyện Tiền Hải cấp ngày 31/12/2013 mang tên anh Trần Thanh B và chị Vương Thị N.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chị N và anh B có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng C.

4. Về án phí: Chị N và anh B phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 25.855.000 đồng (Hai mươi năm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Trả lại Ngân hàng C số tiền tạm ứng án phí 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0009070 ngày 16/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái B;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã V (Niêm yết);
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chu Thị Linh

